TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 5 – 2020
Về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Bùi Thị T – Sinh năm: 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Ông Trần Phước Q – Sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà T và ông Trần Phước Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào ngày 09 tháng 02 năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông Q thường xuyên ra tay đánh đập, hành hung bà T về thể xác và tinh thần. Gần đây nhất ông Q đánh bà T là tối ngày 06/4/2020 nên lo sợ đến sức khỏe của bà T và con nên bà T đã chuyển đi nơi khác để sống. Nay mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Phước Q.

Về con chung: Vợ chồng bà T, ông Q có 01 con chung là cháu: Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y đến tuổi trưởng thành vì cháu Y là con gái cần sự chăm sóc của mẹ. Ông Q là lái xe nên thường xuyên vắng nhà, không thể quan tâm, chăm sóc cháu được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Phước Q trình bày có nội dung như sau:

Ông Q và bà Bùi Thị T chung sống tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND phường T, thành phố B ngày 09 tháng 02 năm 2012. Thời gian chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, vợ chồng ông, bà không có tiếng nói chung trong cuộc sống và mâu thuẫn trầm trọng hơn, bà T đã tự ý bỏ nhà đi nơi khác sống. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà T và ông Q cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì nguyện vọng của ông Q là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y đến tuổi trưởng thành vì ông Q có đủ điều kiện và khả năng nuôi cháu. Bà T hiện nay đang ở nhà thuê, không có công ăn việc làm ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp bà T và ông Q không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Bùi Thị T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử bà được ly hôn với ông Trần Phước Q. Về con chung: Bà T đề nghị Hội đồng xét xử giao Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012 cho bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn – ông Trần Phước Q đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị T. Về con chung: Ông Q đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012 cho ông được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông

Q không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn - bà Bùi Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Phước Q, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Trần Phước Q đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B ngày 09 tháng 02 năm 2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên bà T, ông Q đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân thì bà Bùi Thị T và ông Trần Phước Q là vợ chồng và cùng chung sống tại địa chỉ: Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng bà T và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng ông, bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa vợ chồng bà Bùi Thị T và ông Trần Phước Q thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Bùi Thị T và ông Trần Phước Q đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Bùi Thị T và ông Trần Phước Q có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012. Khi ly hôn, bà T và ông Q đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Y là con gái, đang trong độ tuổi phát triển và nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu Y nên cần giao cháu Trần Ngọc Y cho bà Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T.

Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Trần Phước Q.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Y – Sinh ngày: 07/9/2012 cho bà Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Phước Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu ông Trần Phước Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2 Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị T đã nộp (Trần Thị Bích Tiên nộp thay) theo biên lai thu số AA/2019/0007639 ngày 15 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND p.T, Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông